

Bản án số: 126/2025/KDTM-ST

Ngày: 21/11/2025

*V/v: Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm tàu
thủy nội địa*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Vũ Thị Thu Hằng**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thu Hường

2. Bà Nguyễn Thị Anh Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Hưng – Tòa án nhân dân Khu vực 4

- H

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - H không tham gia phiên
toà.

Ngày 21 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - H
xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số
39/2025/TLST-KDTM ngày 01 tháng 4 năm 2025 về việc “Tranh chấp Hợp đồng
bảo hiểm tàu thủy nội địa” giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH Thương mại và Vận tải H.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật: Ông Nguyễn D.S - Chức vụ:
Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Vũ Đ.S, Ông Nguyễn V.N (
Theo hợp đồng ủy quyền ngày 10.12.2023). (Có mặt)

Bị đơn: Tổng công ty Cổ phần B (P).

Địa chỉ: Số 95 phố T, phường C, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật: Bà Hoàng T.Y - Chức vụ:
Tổng Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Hồ Đ.Q, Ông Hoàng T.A
(Theo Giấy ủy quyền số 199/GUQ-P ngày 23.4.2025) (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, Bản tự khai và quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại và Vận tải H thông qua đại diện trình bày:**

Tại đơn khởi kiện ngày 18.3.2024, Công ty TNHH Thương mại và Vận tải H trình bày: Công ty TNHH Thương Mại và Vận Tải H có tham gia bảo hiểm Hợp đồng bảo hiểm tàu thủy nội địa số 0000150/HD/041/P.KD5/TAU.TT/2021 ký kết với Công ty B A ngày 27/08/2021 cho tàu H 03. Số đăng ký: HD-3839; Loại tàu: Chở hàng khô; Trọng tải: 2.581 (tấn); Công suất: 818 CV; Năm và nơi đóng: 2020, Hải Dương; Cấp tàu: VR-SI / VR-SII; Phạm vi hoạt động: Theo quy định đăng kiểm Việt Nam; Giá trị tàu khai báo: 12.300.000.000 đồng (Mười hai tỷ ba trăm triệu đồng); Thời hạn bảo hiểm: 00h00 ngày 28/08/2021 đến 24h00 ngày 27/08/2022.

Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 25/01/2022 ông Phạm V.T (có giấy phép điều khiển tàu thủy theo quy định, không sử dụng rượu bia hay chất kích thích) điều khiển tàu thủy mang số hiệu HD-3839 được làm bằng vỏ thép. Tàu có 05 khoang, gồm 01 khoang lái, 03 khoang hàng, 01 khoang mũi, trong các khoang không có hàng hóa. Tàu di chuyển trên sông T thuộc địa phận tỉnh T theo hướng hạ lưu về thượng lưu (Hướng từ cầu B về cầu T tỉnh T), ông Phạm V.T đã không chú ý quan sát để toàn bộ phần mái (nóc) cửa ca bin tàu thủy HD-3839 va chạm với mặt ngoài phía hạ lưu và mặt dưới của dầm số 1 nhịp cầu giữa trụ số 4 và trụ số 5 của cầu T. Hậu quả: Dầm cầu T (dầm số 1) phía hạ lưu bị nứt vỡ, phải sửa chữa khắc phục thiệt hại trị giá 1.867.448.000 đồng (Một tỷ tám trăm sáu mươi bảy triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn đồng). Toàn bộ phần mái (nóc) của cabin tàu thủy HD-3839 bị đẩy dòn gãy đứt rời cong gập biến dạng kim loại hướng từ dưới lên trên, từ trước về sau rách rời khỏi phần mặt trên boong tàu ép sát vào mặt trên phía sau khoang lái. Ngày 20/07/2023 bằng công văn số 2775 /P - GĐBT.BTTM Tổng công ty Cổ phần B (P) thông báo không phát sinh trách nhiệm bồi thường cả khiếu nại về thân tàu và TNDS chủ tàu trong vụ tổn thất ngày 25/01/2022 với tàu HD-3839. P căn cứ vào Mục 3- Bản án số 35/2023/HS-ST ngày 13/03/2023, Tòa án nhân dân Thành phố T - Tỉnh T nhận định lỗi vi phạm của thuyền trưởng tàu H 03/ HD-3839 và tại quy định tại mục 1, mục 2 và khoản e, mục 3, Điều 6 Quy tắc bảo hiểm thân tàu thủy nội địa ban hành kèm theo Quyết định số 141/2008/QĐ-P-HH của P cụ thể ở mục 1, mục 2 và khoản e, mục 3, Điều 6 trong quy tắc 141/2008/QĐ-P-HH như sau:

Điều 6: Những rủi ro loại trừ trách nhiệm bảo hiểm: P không chịu trách nhiệm bồi thường nếu tổn thất xảy ra có thể trực tiếp hoặc gián tiếp được quy hợp lý bởi những nguyên nhân sau: 1. Hành động cố ý hoặc quá cẩn thận của Người được bảo hiểm hoặc người được thừa hành như: người đại lý, đại diện hoặc thuyền trưởng, sỹ quan và thuyền viên; 2. a. Vi phạm lệnh cấm do cơ quan chức năng có thẩm quyền ban hành hoặc hoạt động kinh doanh trái phép vi phạm nghiêm trọng luật lệ giao thông đường bộ như: Thuyền viên trong khi làm nhiệm vụ chịu ảnh hưởng của rượu bia, ma túy hoặc các chất kích thích tương tự khác. b. Tàu đi vào tuyến, luồng cấm. c. Tàu chở khách, chở hàng quá tải. d. Tàu vận chuyển hàng hóa độc hại, chất nổ hoặc các chất nguy hiểm khác. e. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

Nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại và Vận tải H đưa ra luận điểm như sau: Căn cứ theo Hợp đồng bảo hiểm tàu thủy nội địa số 0000150/HD/041-P.KD5/TAU.TT/2021 được hai bên ký kết 27/08/2021 không có nêu các điểm loại trừ bồi thường và tại thời điểm trước và sau khi ký kết hợp đồng bảo hiểm giữa Công ty TNHH Thương Mại và Vận Tải H và Công ty B A. Phía Công ty B A không giải thích, không cung cấp về các điều khoản cũng như cung cấp nội dung Quy tắc bảo hiểm thân tàu thủy nội địa ban hành kèm theo Quyết định số 141/2008/QĐ-P-HH của P và "Quy tắc bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tàu thủy nội địa" ban hành theo quyết định số 140/2008/QĐ-P-HH. Cho đến ngày 20/07/2023 bằng công văn số 2775/P - GĐBT BTM Tổng Công ty Cổ phần B (P) thông báo không phát sinh trách nhiệm bồi thường cả khiếu nại về thân tàu và TNDS chủ tàu trong vụ tổn thất ngày 25/01/2022 với tàu HD-3839. Phía Công ty TNHH Thương mại và Vận tải H mới biết về Quy tắc bảo hiểm thân tàu thủy nội địa ban hành kèm theo Quyết định số 141/2008/QĐ-P-HH của P và Quy tắc bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tàu thủy nội địa ban hành theo quyết định số 140/2008/QĐ-P-HH. Nên việc phía P sử dụng các điều khoản trong quy tắc để từ chối quyền lợi bảo hiểm của Công ty TNHH Thương mại và Vận tải H là không thỏa đáng và hợp lý.

Căn cứ theo Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15, ngày 16 tháng 6 năm 2022 Tại Chương II Hợp đồng bảo hiểm Điều 17 nội dung của Hợp đồng khoản 1 điểm d yêu cầu nội dung hợp đồng phải thể hiện rõ phạm vi hoặc quyền lợi bảo hiểm; quy tắc, điều kiện, điều khoản bảo hiểm; Phía P đã vi phạm Luật kinh doanh bảo hiểm khi trong hợp đồng không có các quy định tại điểm nêu trên.

Tại Điều 19 về Điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm mục 2 "Trường hợp có điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài phải quy định

rõ trong hợp đồng bảo hiểm, giải thích rõ ràng, đầy đủ và có bằng chứng xác nhận việc bên mua bảo hiểm đã được doanh nghiệp bảo hiểm chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài giải thích đầy đủ và hiểu rõ nội dung này khi giao kết hợp đồng bảo hiểm". P cũng đã vi phạm điều khoản trên.

Tại Điều 22 Luật kinh doanh bảo hiểm "Trách nhiệm và hậu quả pháp lý do vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin" điểm 3. "Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài cố ý không thực hiện nghĩa vụ cung cấp thông tin hoặc cung cấp thông tin sai sự thật nhằm giao kết hợp đồng bảo hiểm thì bên mua bảo hiểm có quyền hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm, được hoàn lại phí bảo hiểm đã đóng. Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho bên mua bảo hiểm (nếu có)". P đã vi phạm điều khoản trên phải bồi thường cho những thiệt hại của tàu HD-3839.

Về yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại và Vận tải H yêu cầu bị đơn Tổng Công ty Cổ phần B (P) bồi thường cho Công ty TNHH Thương mại và Vận tải H tổng số tiền 899.000.000 đồng (Tám trăm chín mươi chín triệu đồng) (Trong đó bao gồm khoản tiền bồi thường về trách nhiệm dân sự bên thứ ba với số tiền là 499.000.000 đồng, khoản tiền bồi thường về thân vỏ tàu là 400.000.000 đồng và khoản tiền lãi chậm thanh toán). Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Tại buổi hòa giải ngày 04.11.2025, nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại và Vận tải H bổ sung quan điểm: Trong hợp đồng bảo hiểm 0000150/HD/041-P.KD5/TAU.TT/2021 được hai bên ký kết ngày 27/08/2021 không thể hiện các nguyên tắc loại trừ trách nhiệm bảo hiểm trong hợp đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại và Vận tải H giữ nguyên quan điểm của mình theo đơn khởi kiện.

***Bị đơn Tổng công ty Cổ phần B (P) trình bày ý kiến:**

Tại bản trình bày ngày 31.10.2025, Tổng Công ty Cổ phần B (P) trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án: Bị đơn Tổng Công ty cổ phần B (P) hoàn toàn không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty H, H yêu cầu P chịu trách nhiệm bồi thường tổn thất cho tàu H 03 với tổng số tiền 899.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả là hoàn toàn không có cơ sở, bởi vì:

- Căn cứ Bản án số 35/2023/HSST ngày 13/03/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố T, Tỉnh T nhận định về lỗi vi phạm của thuyền trưởng Phạm V.T gây ra vụ tổn thất của tàu H 03:

“(3) Bị cáo Phạm V.T có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ, bị cáo đã được tham gia học về luật giao thông đường thủy nội địa, đã được cấp giấy phép điều khiển tàu thủy theo quy định, lẽ ra bị cáo phải nhận thức rõ khi điều

khuyến phương tiện giao thông phải chấp hành nghiêm quy tắc giao thông đường thủy nội địa, không vi phạm các hành vi bị nghiêm cấm, khi điều khiển phương tiện phải đảm bảo tốc độ an toàn để có thể xử lý các tình huống va, không gây tổn hại đến các công trình. Tuy nhiên, do lỗi không chú ý quan sát, không chấp hành quy tắc giao thông đường thủy nội địa.....bị cáo đã vi phạm Luật giao thông đường thủy nội địa, cụ thể vi phạm Điều 8 – Các hành vi bị cấm: “1...13. Các hành vi khác vi phạm pháp luật về giao thông đường thủy nội địa”; vi phạm Điều 36 – Chấp hành quy tắc giao thông đường thủy nội địa; vi phạm Khoản 1, Khoản 2, Điều 43 Luật giao thông đường thủy nội địa....

(4) Xét tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy là nguy hiểm cho xã hội, vì hành vi đó trực tiếp xâm phạm đến các quy định về đảm bảo an toàn giao thông đường thủy. Xét nguyên nhân và điều kiện phạm tội là do bị cáo có lỗi khi điều khiển tàu không chú ý quan sát, không chấp hành quy tắc giao thông đường thủy nội địa nên vi phạm. Hành vi của bị cáo đã gây bất bình cho người dân khi tham gia giao thông đường thủy, đường bộ trên địa bàn tỉnh T và tạo dư luận xấu cho xã hội. Vì vậy cần thiết phải đưa ra xét xử nghiêm khắc trước pháp luật để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.”

Như vậy, hành vi vi phạm pháp luật về giao thông đường thủy nội địa của thuyền trưởng điều khiển tàu H 03 đã được Tòa án nhân dân Thành phố T kết luận phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy”. Tòa án nhận định tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của thuyền trưởng là nguy hiểm cho xã hội, cần xét xử nghiêm khắc trước pháp luật và đã đưa ra hình phạt với mức án là 07 năm tù giam. Ông Tỉnh hoàn toàn có thể thấy trước và nhận thức được việc phải chấp hành nghiêm quy tắc giao thông, nếu không tuân thủ thì có thể gây ra hậu quả (có thể gây tai nạn, va chạm và gây mất an toàn) và biết được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện, tuy không mong muốn hậu quả xảy ra nhưng vẫn thực hiện hành vi vi phạm. Lỗi gây ra vụ tổn thất hoàn toàn do hành động cầu thả của thuyền trưởng Tỉnh.

Theo phán quyết của Tòa án nhân dân Thành phố T có thể nhận thấy rõ hành vi của thuyền trưởng Tỉnh là hành vi vi phạm nghiêm trọng luật lệ giao thông đường thủy nội địa, thuộc điểm loại trừ “Các trường hợp vi phạm nghiêm trọng luật lệ giao thông đường thủy khác do pháp luật quy định” được quy định tại Điểm e, Khoản 3, Điều 6 Chương II Quy tắc bảo hiểm thân tàu thủy nội địa Ban hành kèm theo quyết định số 141/2008/QĐ-P-HH và Khoản 1, Điều 8 Chương II Quy tắc bảo hiểm TNDS chủ tàu thủy nội địa ban hành

kèm theo Quyết định số 140/2008/QĐ-P-HH của Tổng giám đốc P ban hành ngày 13/05/2008.

Theo Hợp đồng bảo hiểm đã ký kết, quy tắc bảo hiểm và hành vi vi phạm luật giao thông đường thủy của thuyền trưởng tàu H 03 đã được Tòa án xác định bằng Bản án số 35/2023/HSST ngày 13/03/2023 thì việc P áp dụng điểm loại trừ của Quy tắc bảo hiểm thân tàu thủy nội địa, Quy tắc bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tàu thủy nội địa từ chối bồi thường thiệt hại thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu là hoàn toàn đúng quy định pháp luật và Hợp đồng bảo hiểm đã ký kết.

Về nội dung nguyên đơn không được P cung cấp Quy tắc bảo hiểm, nội dung Hợp đồng bảo hiểm không thể hiện điều khoản loại trừ bảo hiểm và không được giải thích các điểm loại trừ của quy tắc bảo hiểm.

P khẳng định đã tư vấn, giải thích và cung cấp đầy đủ các quy định, điều khoản Hợp đồng bảo hiểm/ Giấy chứng nhận bảo hiểm và quy tắc bảo hiểm của P cho người đóng bảo hiểm là Công ty H. Ý kiến của nguyên đơn là P chưa cung cấp thì đề nghị nguyên đơn cung cấp bằng chứng chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, căn cứ theo Khoản 1, Điều 91 của Bộ luật TTDS 2015. “Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp...” Căn cứ theo Hợp đồng bảo hiểm tàu thủy nội địa số 0000150/HD/041-P.KD5/TAU.TT/2021 mà Công ty H ký kết với Công ty B A, nội dung của Hợp đồng bảo hiểm “Điều 2. Luật, điều khoản và điều kiện chi phối hợp đồng” đã quy định rõ điều kiện bảo hiểm thân tàu là theo Quy tắc bảo hiểm thân tàu thủy nội địa Ban hành kèm theo quyết định số 141/2008/QĐ-P-HH và bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tàu là theo Quy tắc bảo hiểm TNDS chủ tàu thủy nội địa ban hành kèm theo Quyết định số 140/2008/QĐ-P-HH ngày 13/05/2008 của Tổng giám đốc P. Nguyên đơn có nghĩa vụ phải cung cấp đọc hiểu rõ điều khoản bảo hiểm, quyền và nghĩa vụ của bên mua bảo hiểm và nội dung khác của HĐBH.

“Điều 21. Quyền và nghĩa vụ của bên mua bảo hiểm

2. Bên mua bảo hiểm có các nghĩa vụ sau đây:

b) Đọc và hiểu rõ điều kiện, điều khoản bảo hiểm, quyền, nghĩa vụ của bên mua bảo hiểm khi giao kết hợp đồng bảo hiểm và nội dung khác của hợp đồng bảo hiểm”

Về giá trị thiệt hại: Theo báo cáo giám định số VT2224464 ngày 28/06/2023 của Công ty TNHH Giám định Việt Tín thì số tiền bồi thường TNDS và thân tàu H 03 nếu thuộc trách nhiệm bảo hiểm của P là 836.826.497 đồng, chi tiết tính toán như sau: Về TNDS: Chi phí khắc phục tổn thất cầu T là

1.717.414.000 đồng; STBH là 500.000.000 đồng. Như vậy, số tiền bồi thường là 500.000.000 đồng. Về thân tàu:

STT	Hạng mục	Số tiền (VNĐ)
1	Chi phí sửa chữa hợp lý	412.025.023
2	Phế liệu thu hồi sau sửa chữa	62.837.950
3	Mức khấu trừ (3% STBT tối thiểu 2.000.000 VNĐ)	12.360.756
4	Số tiền bồi thường (4 = 1 - 2 - 3)	336.826.497

Với các lập luận nêu trên, bị đơn Tổng Công ty Cổ phần B (P) đề nghị Tòa án: Theo nội dung đã phân tích và trình bày, bị đơn hoàn toàn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đơn khởi kiện của nguyên đơn thì đang thực hiện chi nhánh, không có tư cách pháp nhân cho nên việc khởi kiện là sai đối tượng. Địa chỉ đúng trụ sở của bị đơn là: Số 95 T, phường C, Thành phố H.

Theo kết quả giám định của công ty giám định, xác định thiệt hại số tiền thì sẽ là:

Trách nhiệm dân sự: 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) tối đa.

Trách nhiệm thân vỏ tàu: 336.800.000 đồng (Ba trăm ba mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng).

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - H không tham gia phiên tòa.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại và Vận Tải H, sau đây gọi tắt là nguyên đơn hoặc Công ty H khởi kiện “*Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm tàu thủy nội địa*” đối với bị đơn là Tổng công ty Cổ phần B (P) , có địa chỉ đăng ký kinh doanh tại: Số 95 phố T, phường C, Thành phố H. Tranh chấp Hợp đồng bảo hiểm tàu thủy nội địa số 0000150/HD/041-P.KD5/TAU.TT/2021 ngày 27.8.2021 đã ký kết giữa hai bên. Vì vậy, đây là tranh chấp theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận C, Thành phố H (Cũ), nay là Tòa án nhân dân Khu vực 4 - H.

Về Luật áp dụng: Tại Hợp đồng bảo hiểm tàu thủy nội địa số 0000150/HD/041-P.KD5/TAU.TT/2021 ngày 27.8.2021 có ghi nhận Luật áp

dụng đối với Hợp đồng bảo hiểm này là Bộ Luật dân sự 2015 và Luật Kinh doanh bảo hiểm số 24/2000, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Kinh doanh bảo hiểm số 61/2010 và có hiệu lực từ ngày 01/7/2011. Đây cũng chính là căn cứ để xét xử vụ án tranh chấp hợp đồng bảo hiểm tàu thủy nội địa giữa các bên.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại và Vận Tải H đã khởi kiện vụ án trong hạn luật định.

[3] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại và Vận Tải H yêu cầu bị đơn Tổng Công ty Cổ phần B (P) có nghĩa vụ bồi thường cho Công ty TNHH Thương mại và Vận tải H tổng số tiền 899.000.000 đồng (Tám trăm chín mươi chín triệu đồng) (Trong đó bao gồm khoản tiền bồi thường về trách nhiệm dân sự bên thứ ba với số tiền là 499.000.000 đồng, khoản tiền bồi thường về thân vỏ tàu là 400.000.000 đồng và khoản tiền lãi chậm thanh toán). Tại phiên tòa nguyên đơn không tính toán khoản tiền lãi cụ thể.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại và Vận tải H đối với bị đơn Tổng Công ty Cổ phần B (P) về việc yêu cầu bị đơn phải bồi thường các khoản tiền về trách nhiệm dân sự, về thân vỏ tàu và tiền lãi, phát sinh căn cứ vào Hợp đồng bảo hiểm đã ký kết giữa hai bên thì Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Thứ nhất, đủ căn cứ xác định là nguyên đơn và bị đơn đã cùng nhau ký kết Hợp đồng bảo hiểm tàu thủy nội địa số 0000150/HD.041-P.HD5/TAU.TT/2021 ngày 27.8.2021. Xét thấy, hợp đồng này được ký kết giữa các chủ thể có đủ năng lực hành vi dân sự, được lập thành văn bản nội dung không trái với Bộ Luật dân sự và không trái với Luật Kinh doanh bảo hiểm tại thời điểm giao kết là Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000. Việc giao kết hoàn toàn tự nguyện nên hợp đồng này có hiệu lực pháp luật. Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên quan điểm đã trình bày cho rằng Hợp đồng bảo hiểm này đã không liệt kê các trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm theo quy định của pháp luật tại Điều 19 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022 (Khoản 2), đồng thời theo kết luận của Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2023/HS-ST ngày 13.3.2023 của Tòa án nhân dân Thành phố T, tỉnh T tại trang số 08 và 09 đã kết luận là lái tàu không chú ý quan sát, không chấp hành quy tắc giao thông đường thủy nội địa, đây là lỗi vô ý. Đối chiếu theo quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 16 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 thì không áp dụng điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm trong trường hợp “*bên mua bảo hiểm vi phạm pháp luật do vô ý*”. Nói cách khác nguyên đơn cho rằng đối với lỗi vô ý thì

không thuộc trường hợp loại trừ trách nhiệm và từ đó yêu cầu phía bị đơn Tổng công ty Cổ phần B (P) phải có trách nhiệm bồi thường.

Đối với lập luận này, Hội đồng xét xử nhận định như sau: Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2023/HS-ST ngày 13.3.2023 của Tòa án nhân dân Thành phố T, tỉnh T tại phần nhận định trang số 08 đã kết luận bị cáo Phạm V.T do không chú ý quan sát, không chấp hành quy tắc giao thông đường thủy nội địa nên toàn bộ phần mái nóc của cabin tàu thủy va chạm với mặt ngoài phía hạ lưu và dưới dầm số 01, vị trí nhị cầu giữa trụ số 04 và số 05 của cầu T gây ra hậu quả dầm số 1 phía hạ lưu bị nứt vỡ phải sửa chữa khắc phục thiệt hại là 1.867.448.000 đồng và làm cho cabin hệ thống hạ thủy lực, hệ thống máy lái thủy lực của tàu HD-3839 bị hư hỏng. Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2023/HS-ST ngày 13.3.2023 của Tòa án nhân dân Thành phố T, tỉnh T nhận định như vậy tức là bị cáo Phạm V.T đã có lỗi cố ý đối với hành vi không chấp hành các quy định an toàn về giao thông đường thủy nội địa, và có thể là vô ý đối với hậu quả (lỗi chủ quan). Hội đồng xét xử không chấp nhận lập luận của nguyên đơn Công ty H cho rằng bị người lái tàu là có lỗi vô ý để dẫn chiếu điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm nêu trên và tai nạn đã xảy ra cũng không phải sự kiện bất khả kháng để được miễn trừ trách nhiệm. Ngoài ra thì phía nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại và Vận tải H cũng không chứng minh được đây là trường hợp có sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan dẫn đến bên mua bảo hiểm được quyền loại trừ theo quy định của pháp luật. Đối với quan điểm cho rằng bị đơn không có bằng chứng đã giải thích điều khoản hợp đồng cho nguyên đơn khi ký kết, Hội đồng xét xử có quan điểm: Do hai bên đều có đủ hành vi năng lực dân sự, các chủ thể tham gia ký kết hợp đồng bảo hiểm thì đều phải có nghĩa vụ đọc hiểu hợp đồng dân sự trước khi giao kết. Và đây là hình thức giao kết bằng văn bản sau đó thì các bên đều phải đọc hiểu trước khi giao kết. Đối chiếu với nội dung mà nguyên đơn cho rằng cần phải trích dẫn đầy đủ, giải thích, Hội đồng xét xử xét thấy Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu thủy nội địa số TEA 0020013 ngày 27.8.2021 cũng là một phần không tách rời của Hợp đồng bảo hiểm đã ký kết giữa hai bên và trên Giấy chứng nhận bảo hiểm thì đã có dẫn chiếu các quy tắc bảo hiểm. Do đó, người tham gia bảo hiểm phải có nghĩa vụ đọc toàn bộ các quy tắc này và trong các nội dung của quy tắc mà đã dẫn chiếu toàn bộ các điều kiện loại trừ trách nhiệm bảo hiểm. Cụ thể tại trang 01 của Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu thủy nội địa số TEA 0020013 ngày 27.8.2021 đã in đậm Quy tắc bảo hiểm thân tàu nội địa ban hành theo Quyết định số 141/2008/QĐ-P-HH ngày 13/5/2008 của Tổng Công ty Cổ phần B. Quy tắc bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ tàu thủy nội địa ban hành theo Quyết định số 140/2008/QĐ-P-HH ngày 13 tháng 5

năm 2008 của Tổng Công ty Cổ phần B. Điều 6 Quy tắc bảo hiểm thân tàu thủy nội địa ban hành kèm theo Quyết định số 141/2008/QĐ-P-HH của P quy định: “Những rủi ro loại trừ trách nhiệm bảo hiểm: P không chịu trách nhiệm bồi thường nếu tổn thất xảy ra có thể trực tiếp hoặc gián tiếp được quy hợp lý bởi những nguyên nhân sau: **1. Hành động cố ý hoặc quá cẩn thận** của Người được bảo hiểm hoặc người được thừa hành như: người đại lý, đại diện hoặc thuyền trưởng, sỹ quan và thuyền viên”. Việc bị đơn đã dẫn chiếu quy tắc loại trừ tại các văn bản này để từ chối chi trả bảo hiểm cho nguyên đơn là hoàn toàn chính xác, trong trường hợp người lái tàu HD-3839 đã có lỗi cố ý với hành vi vi phạm an toàn giao thông đường thủy nội địa và cầu thả do tự tin quá thái, cho rằng có thể vượt qua cầu trên sông Trà Lý thì cũng sẽ vượt qua cầu T (cũng bắc qua sông Trà Lý) nên đã gây ra tai nạn nghiêm trọng dẫn tới bị xử lý hình sự.

Bên cạnh đó, Hội đồng xét xử nhận thấy tranh tụng tại phiên tòa và trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn Công ty H nhiều lần đã dẫn chiếu quy định của pháp luật về Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022 là chưa chính xác vì tại thời điểm giao kết hợp đồng, Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 đang có hiệu lực pháp luật, nên khi giải quyết tranh chấp sẽ phải căn cứ vào luật này và các văn bản hướng dẫn thi hành để giải quyết.

Kết luận: Không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại và Vận tải H. Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty H về việc yêu cầu bị đơn Tổng Công ty Cổ phần B (P) bồi thường các khoản tiền cho Công ty TNHH Thương mại và Vận tải H. Nguyên đơn không được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Kiến nghị: Mặc dù Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tuy nhiên qua xem xét Hợp đồng bảo hiểm, Hội đồng xét xử nhận thấy rằng, Hợp đồng bảo hiểm tàu thủy nội địa được xác lập giữa hai bên là căn cứ vào Luật Kinh doanh bảo hiểm từ năm 2011, đến nay đã được thay thế bằng Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 ngày 16/6/2022, có hiệu lực từ 01/01/2023. Và xét thực tế các công ty bảo hiểm khi soạn hợp đồng mẫu đã dẫn chiếu đến quy tắc bảo hiểm do công ty ban hành mà không liệt kê chi tiết các sự kiện thuộc trường hợp miễn trừ. Do đó, cần kiến nghị công ty kinh doanh bảo hiểm thực hiện nghiêm túc quy định của pháp luật về việc nêu rõ các điều kiện miễn trừ và phải có biện pháp giải thích rõ các điều kiện này nhằm đảm bảo để người tham gia bảo hiểm hiểu biết đầy đủ các điều kiện nêu

trên trước khi tham gia bảo hiểm, tránh việc hiểu nhầm, tránh việc hiểu không rõ ràng không đầy đủ không chi tiết.

[4] Về án phí KDTM: Nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại và vận tải H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật số tiền 38.970.000 đồng (*Ba mươi tám triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng*) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 21.240.000 đồng (*Hai mươi một triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0047038 ngày 20.3.2025 đã nộp tại Cục thi hành án dân sự quận C, Thành phố H (Cũ), nay là Thi hành án dân sự Khu vực 4 – H và phải tiếp tục nộp số tiền 17.730.000 đồng (*Mười bảy triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng*) án phí theo quy định pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự đều có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 7, Điều 12, Điều 13, Điều 16 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 ngày 09.12.2000 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Kinh doanh bảo hiểm số 61/2010 và có hiệu lực từ ngày 01/7/2011;

- Căn cứ vào Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 171, Điều 184, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại và Vận tải H đối với bị đơn Tổng công ty Cổ phần B (P), về việc yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ bồi thường của công ty bảo hiểm theo Hợp đồng bảo hiểm tàu thủy nội địa số 0000150/HD/041-P.KD5/TAU.TT/2021 ngày 27.8.2021 đã ký kết giữa hai bên. Cụ thể:

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải bồi thường cho nguyên đơn tổng số tiền 899.000.000 đồng (Tám trăm chín mươi chín triệu đồng) (Trong đó bao gồm khoản tiền bồi thường về trách nhiệm dân sự bên thứ ba với số tiền là 499.000.000 đồng, khoản tiền bồi thường về thân vỏ tàu là 400.000.000 đồng và khoản tiền lãi chậm thanh toán).

2. Án phí KDTM sơ thẩm:

Nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại và Vận tải H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật số tiền 38.970.000

đồng (*Ba mươi tám triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng*) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 21.240.000 đồng (*Hai mươi một triệu, hai trăm bốn mươi nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0047038 ngày 20.3.2025 đã nộp tại Cục thi hành án dân sự quận C, Thành phố H (Cũ), nay là Thi hành án dân sự Khu vực 4 – H và phải tiếp tục nộp số tiền 17.730.000 đồng (*Mười bảy triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng*) án phí theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại và vận tải H, bị đơn Tổng công ty Cổ phần B (P) có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. H;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - H;
- Thi hành án dân sự Khu vực 4 - H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu văn phòng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Hằng